

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2017/DS-PT

Ngày: 15-12-2017

V/v tranh chấp yêu cầu chấm
dứt hành vi cản trở quyền sử
dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hòa

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Quốc Thiện

Ông Bùi Xuân Liêm

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Minh Hiếu – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hồng Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 65/2017/TLPT-DS ngày 16 tháng 11 năm 2017 về việc “Tranh chấp yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2017/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 44/QĐPT-DS ngày 28 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Đình K, sinh năm 1975; (Có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Hồ Văn C, sinh năm 1942;

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Hồ Văn T, sinh năm 1978; (Theo văn bản ủy quyền ngày 07/3/2017) (Có mặt)

Cùng cư trú tại: Thôn P, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Nam.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Quảng Nam;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn H; Chức vụ: Chủ tịch. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1964; (Có mặt)

3. Ông Đoàn Ngọc B, sinh năm 1958; (Vắng mặt)
4. Ông Huỳnh Ngọc T, sinh năm 1940; (Có mặt)
5. Bà Lê Thị P, sinh năm 1955; (Có mặt)
6. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1958; (Có mặt)
7. Bà Lê Thị S, sinh năm 1957; (Có mặt)
8. Ông Hồ Hữu H, sinh năm 1972; (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
9. Ông Hồ Văn H, sinh năm 1966;

Cùng cư trú tại: Thôn P, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hồ Văn H là bà Đoàn Thị H, sinh năm 1971, trú tại Thôn P, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Nam. (Văn bản ủy quyền ngày 13/12/2017) (Có mặt).

- Người kháng cáo: Bị đơn ông Hồ Văn C.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn ông Phạm Đình K trình bày:

Vào năm 1985 gia đình ông có khai hoang diện tích đất tại thôn P, xã T, huyện H và đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2007. Tại thời điểm này có một con đường mòn nối từ đường liên xã vào đến diện tích đất của gia đình ông. Ông và nhân dân có đất tại khu vực này đã sử dụng con đường nhỏ này để đi lại và vận chuyển hàng hóa. Đến năm 2003, ông và các hộ liên quan có nguyện vọng mở rộng con đường để thuận tiện cho việc vận chuyển nông, lâm sản; thời điểm này chính quyền địa phương có chủ trương hỗ trợ kinh phí để nhân dân địa phương mở đường dân sinh nên việc mở con đường này có sự hỗ trợ kinh phí của huyện, xã và các hộ dân có nhu cầu sử dụng con đường chịu phí bồi dưỡng ăn uống cho tài xế xe múc. Tại thời điểm mở đường, diện tích đất có con đường đi qua là đất hoang, không có ai canh tác. Trước đây, ông Hồ Văn C cũng có khai hoang, sản xuất trên một số diện tích đất tại khu vực này nhưng ông chỉ sử dụng được một thời gian, sau đó bỏ hoang. Đồng thời diện tích đất ông C sản xuất trước đây do UBND xã T quản lý, chưa được cơ quan có thẩm quyền giao cho ai và nằm trong quy hoạch đường dân sinh.

Khi các hộ dân mở rộng con đường thì ông Hồ Văn C không có ý kiến hay phản đối gì. Từ năm 2003 đến năm 2015, ông K và các hộ dân đi lại và vận chuyển keo trên con đường này, gia đình ông C không có ý kiến phản đối và cũng không đòi hỏi chi phí đi qua đất. Tuy nhiên đến năm 2016, ông C cho rằng một phần diện tích con đường này nằm trong diện tích đất của ông nên đã tự ý trồng keo trên con đường, ngăn cản không cho vận chuyển và yêu cầu phải trả chi phí đi qua con đường. Khi ông tiến hành khai thác keo, thuê xe vận chuyển thì ông C ngăn cản và yêu cầu phải trả chi phí đi qua đất. Ông không đồng ý nên xảy ra tranh chấp. Ông đã làm đơn khiếu nại gửi lên Ủy ban nhân dân xã T, huyện H giải quyết, sau khi hòa

giải ông và các hộ dân liên quan đã thống nhất hỗ trợ cây giống cho ông C với số tiền 1.100.000đ, ông C đã nhận tiền nhưng sau đó thay đổi ý kiến nên đã trả lại tiền cho các hộ dân, yêu cầu nhóm hộ đi qua đất phải trả chi phí cao hơn và tiếp tục ngăn cản không cho vận chuyển trên con đường này. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông C chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất trên con đường này.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Hồ Văn C và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Hồ Văn T trình bày:

Vào khoảng năm 1990-1991, ông C có khai hoang diện tích đất khoảng 0,5ha tại thôn P, xã T, huyện H để trồng hoa màu. Ông C đã canh tác, sử dụng ổn định, liên tục đến năm 2003. Tuy nhiên diện tích đất này chưa được ông C kê khai, đăng ký để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2003, Công ty khai thác đất cao lanh tại khu vực này đã mở đường để vận chuyển đất, con đường này đi ngang qua diện tích đất mà gia đình ông C đang canh tác. Khoảng 01 tháng sau khi mở đường thì ông C mới biết, ông C đã trực tiếp đến UBND xã T yêu cầu giải quyết nhưng UBND xã cho rằng diện tích đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông không có quyền khiếu nại. Do vậy, ông không khiếu nại yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết. Nay ông C được biết theo quy định của Luật đất đai hiện hành thì đối với đất khai hoang từ năm 1993 thì được Nhà nước công nhận, do đó diện tích đất nêu trên thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông C nên ông C mới ngăn cản không cho vận chuyển trên con đường này. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông K buộc ông C chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất thì ông không đồng ý. Bởi vì, diện tích đất nêu trên thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông nên các hộ dân muốn đi lại trên con đường này thì phải trả cho ông mỗi chuyến xe kéo đi qua là 50.000 đồng, hoặc trả cho ông số tiền là 7.000.000đ để được đi lại trong thời gian 5 năm, hoặc phải trả đủ số tiền 20.000.000đ để được sử dụng con đường vĩnh viễn. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T yêu cầu các hộ dân muốn đi con đường này phải hỗ trợ cho ông C 10.000.000 đồng.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T, ông Đoàn Ngọc B, ông Huỳnh Ngọc T, bà Lê Thị P, bà Nguyễn Thị N, bà Lê Thị S, ông Hồ Hữu H, ông Hồ Văn H đều thống nhất với lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông K.

Theo các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân xã T, ông Lê Văn H trình bày:

Diện tích đất hiện nay có con đường tranh chấp có nguồn gốc là con đường mòn nhân dân đã sử dụng đi lại từ rất lâu. Đến năm 2003, huyện có chủ trương hỗ trợ kinh phí cho xã để mở đường dân sinh nên xã đã thông báo đến thôn tổ chức họp dân để chọn tuyến đường, các hộ dân đã thống nhất mở rộng con đường mà hiện nay các bên tranh chấp. Tại thời điểm mở đường, phần diện tích đất để mở rộng con đường là đất hoang, không có ai canh tác và do UBND xã T quản lý. Đối với diện tích đất có con đường đi ngang qua, trước đây gia đình ông C có khai hoang, canh tác một thời gian nhưng sau đó thì không canh tác mà để trồng cỏ chăn nuôi bò. Khi mở đường ông C có biết nhưng không có ý kiến phản đối gì.

Nhóm hộ dân có đất tại khu vực này đã sử dụng con đường để đi lại, vận chuyển từ năm 2003 đến nay, ông C không phản đối hoặc ngăn cản. Ủy ban nhân dân xã cũng không nhận được bất cứ đơn thư khiếu nại nào của gia đình ông C liên quan đến việc mở rộng con đường nêu trên. Diện tích đất con đường hiện nay vẫn do Ủy ban nhân dân xã T quản lý nên ông C không có quyền ngăn cản các hộ dân đi lại, vận chuyển trên con đường này. Do vậy, đề nghị Tòa án xem xét, công nhận con đường dân sinh này là lối đi chung cho cộng đồng dân cư sử dụng.

Với nội dung vụ án như trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2017/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Nam đã áp dụng các điều 26, 35, 147, 157, 165 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 245, 246, 248, 254 của Bộ luật dân sự; Điều 203 của Luật đất đai, Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14, xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Đình K và yêu cầu của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất về lối đi và yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất”.

Công nhận con đường có diện tích 207m² thuộc tờ bản đồ số 11, tại Thôn P, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Nam do Ủy ban nhân dân xã T quản lý (có sơ đồ trích đo kèm theo) cho ông Phạm Đình K và các hộ dân có liên quan sử dụng làm đường dân sinh. Buộc ông Hồ Văn C phải chấm dứt hành vi cản trở đối với ông K và các hộ dân có liên quan sử dụng con đường dân sinh nêu trên. Các bên không được xây dựng hoặc canh tác để làm con đường dân sinh cho cộng đồng nhân dân.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định án phí, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04/10/2017, bị đơn ông Hồ Văn C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam cho rằng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của ông Hồ Văn C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Phạm Đình K không rút đơn khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Hồ Văn T không rút đơn kháng cáo mà cho rằng; bản án sơ thẩm công nhận con đường tranh chấp có diện tích 207m² là lối đi chung và buộc ông Hồ Văn C chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất là không đúng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông. Do đó, ông kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Xét kháng cáo của ông Hồ Văn C thì thấy: Diện tích đất con đường mà ông K và ông C tranh chấp theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 15/3/2017 (BL 28-30) có diện tích 207m² (chiều ngang 3m, chiều dài 69m) thuộc tờ bản đồ số 11, thuộc Thôn P, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Nam. Nguồn gốc diện tích đất tranh chấp có con đường trên, căn cứ vào công văn số 408/UBND ngày 21/8/2017 (BL 66) của UBND xã T xác định: Diện tích đất có con đường là đất hoang do UBND xã T quản lý. Việc xác nhận của UBND xã T phù hợp với việc ông C không kê khai đăng ký quyền sử dụng đất đối với diện tích đất có con đường trên, khi mở đường trên đất không có cây cối gì của ông C, đến năm 2016 ông C ngăn cản các hộ dân trong đó có ông K thì ông mới trồng cây keo thể hiện qua thẩm định cây keo mới 01 năm tuổi. Phù hợp với việc vào năm 2003 theo chủ trương của xã T hỗ trợ kinh phí cho nhân dân mở con đường dân sinh trên thì ông C không có yêu cầu bồi thường, cũng như không có ý kiến phản đối gì về việc mở con đường này. Điều này phù hợp với lời khai của những người làm chứng ông Đoàn Ngọc V, ông Huỳnh Quang T, ông Đoàn Ngọc H, ông Lê Văn T, ông Phạm Đình B, bà Tô Thị A, ông Mai Văn P xác định: Diện tích đất mở con đường thời điểm năm 2003 không ai canh tác, đất bỏ hoang và phù hợp với việc khi thôn P tổ chức họp để thông báo chủ trương mở đường và chọn tuyến đường mở là con đường hiện nay đang tranh chấp, ông C biết nhưng không có ý kiến phản đối; sau khi mở đường năm 2003 các hộ dân trong đó có ông K đi lại bình thường và vận chuyển cây cối trên con đường, ông C không cản trở gì. Tại phiên tòa phúc thẩm ông T cho rằng, con đường do Công ty trách nhiệm hữu hạn V khai thác đá cao lanh mở vào năm 2003 chứ không phải UBND xã T mở. Tuy nhiên, ông Nguyễn Văn X là người quản công của Công ty trách nhiệm hữu hạn V xác nhận, vào năm 2005 đến năm 2007 Công ty V có khai thác đá cao lanh nhưng không có mở đường, con đường này đã mở từ trước. Do đó, quyền sử dụng đất có con đường không thuộc quyền sử dụng của ông C mà của UBND xã T quản lý nhưng ông C cản trở không cho ông K đi lại con đường này là không đúng quy định của pháp luật. Chính vì vậy, ông K khởi kiện yêu cầu ông C chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất đối với con đường có diện tích đất 207m² (chiều ngang 3m, chiều dài 69m) thuộc tờ bản đồ số 11, thuộc thôn P, xã T, huyện H là có căn cứ.

[2] Trên diện tích đất có con đường tranh chấp vào năm 2016 ông C tự ý trồng 51 cây keo tai tượng, qua định giá có giá trị là 765.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, như phân tích ở trên diện tích đất tranh chấp có con đường là do UBND xã T quản lý nên việc ông C tự ý trồng cây trên diện tích đất không thuộc quyền sử dụng của mình là không đúng quy định pháp luật. Số cây keo trên, do ông K và các hộ dân vận chuyển cây, đi lại trên con đường này nên không còn. Các hộ dân và ông K đã thống nhất hỗ trợ cho ông C 1.000.000 đồng (ông C đã nhận đủ) và tại cấp sơ thẩm ông C và tại phiên tòa phúc thẩm ông T đại diện ủy quyền của ông C không có yêu cầu gì về số cây này. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét về cây là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông C không cung cấp được chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu của mình nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của ông mà giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Trong vụ án này, nguyên đơn ông Phạm Đình K chỉ yêu cầu ông Hồ Văn C chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp quyền sử dụng đất về lối đi và yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất là chưa chính xác. Mặt khác, tại phần quyết định của bản án sơ thẩm áp dụng các điều luật chưa đúng và tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong khi những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đứng đơn khởi kiện. Tuy nhiên, những sai sót trên không làm thay đổi bản chất vụ án, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xác định lại và điều chỉnh lại cho phù hợp, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Tòa án cấp sơ thẩm đã tính đúng theo quy định của pháp luật.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của ông Hồ Văn C không được chấp nhận nên ông Hồ Văn C phải chịu án phí 300.000 đồng theo quy định tại khoản 1, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Hồ Văn C, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2017/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Nam.

Áp dụng các điều 26, 38, 147, 148, 157, 165 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 11, 14, 169 của Bộ luật dân sự; Điều 203 của Luật đất đai, khoản 2 Điều 26, khoản 1, Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Đình K về việc “Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất”.

Buộc ông Hồ Văn C chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất với ông Phạm Đình K với lối đi chung đối với diện tích 207m² (chiều ngang 3m, chiều dài 69m) thuộc tờ bản đồ số 11, tại Thôn P, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Nam. (Có sơ đồ bản vẽ kèm theo)

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Buộc ông Hồ Văn C phải có trách nhiệm hoàn trả cho ông Phạm Đình K chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp với số tiền là 1.000.000đ (Một triệu đồng).

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hồ Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Ông Phạm Đình K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông K số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tại biên lai thu số 0000651 ngày 23/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hồ Văn C phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà ông Hồ Văn T đã nộp thay theo Biên lai thu số 0012781 ngày 11/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Quảng Nam.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đến khi người phải thi hành án thi hành án xong, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 15/12/2017).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- TAND huyện H;
- CC THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hòa